

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày 20 - 7 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Ngọc Khoa

Ông Phạm Thiên Việt

Thư ký phiên tòa: Bà H’Ra Chen - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2023/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Anh Hồ Ngọc P, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

Chị Huỳnh Thị L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người được chị Huỳnh Thị L ủy quyền: Anh Hồ Ngọc P, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hồ Ngọc P: Ông Trịnh Quốc K – Luật sư Văn phòng luật sư Quốc A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

Bị đơn:

Anh Không Trúc T, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt.

Chị Hà Thị H, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông –

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Nhiều lần vợ chồng anh T, chị H vay tiền vợ chồng tôi. Đến ngày 21/7/2017 hai bên chốt nợ là 270.000.000đ tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng và thời hạn trả nợ là 21/6/2018. Đến hạn, nhiều lần yêu cầu trả nhưng vợ chồng anh T hẹn, lần cuối vào cuối năm 2022 nhưng không trả. Khi vay không cầm cố tài sản gì. Ngoài số tiền nợ 270.000.000đ theo chốt nợ ngày 21/7/2017 vợ chồng anh T không nợ vợ chồng tôi khoản tiền nào khác.

Nay yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Không Trúc T, chị Hà Thị H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 270.000.000đ tiền gốc, về lãi suất không yêu cầu.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Vợ chồng tôi nhiều lần vay tiền vợ chồng anh P, ngày 21/7/2017 hai bên chốt nợ là 270.000.000đ tiền gốc, có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả và có hẹn nhiều lần nhưng không trả được như nguyên đơn trình bày. Trước đó có cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin nhưng ngày 21/7/2017 hai bên chốt nợ thì vợ chồng anh P đã trả lại. Hiện tại không cầm cố, thế chấp tài sản gì. Vợ chồng chúng tôi nợ vợ chồng anh P số tiền gốc là 270.000.000đ, ngoài số tiền này không nợ số tiền nào khác, các giấy tờ liên quan đến nợ không còn giá trị ngoài giấy ngày 21/7/2017.

Nay vợ chồng anh P khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả 270.000.000đ tiền gốc chúng tôi đồng ý nhưng xin trả làm nhiều đợt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 270.000.000.00đ. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả. Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 157, Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L đối với anh Không Trúc T và chị Hà Thị H. Buộc anh Không Trúc T và chị Hà Thị H phải trả vợ chồng anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L 270.000.000đ tiền gốc và anh Không Trúc T và chị Hà Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp

luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 270.000.000đ tiền gốc, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm khởi kiện anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H là bị đơn trong vụ án trú tại thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Do vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã trực tiếp cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật, anh Khổng Trúc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Khổng Trúc T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H trả 270.000.000đ tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền ngày 21/7/2017, anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H thừa nhận có nợ anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L số tiền gốc nêu trên và xin trả làm nhiều đợt, các bên đã thừa nhận nên không cần chứng minh.

Xét lời khai chị Hà Thị H tại phiên tòa cho rằng trước ngày 21/7/2017 đã trả 162.000.000đ tiền lãi, khi trả không lập thành văn bản nên không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do vậy, Hội đồng xét xử, xét thấy lời khai của chị H không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Không yêu cầu nên không đề cập.

[5]. Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L. Buộc anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H phải trả cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L số tiền gốc là 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L đối với anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H .

Buộc anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H phải trả cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền gốc.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Khổng Trúc T và chị Hà Thị H phải nộp 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L nhận lại 6.750.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002410 ngày 30/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm

